TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 23-5-2025
V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lài Thị Thu Hà;

2. Ông Phạm Ngọc Diện.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Rung K'Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Duy Hoàng Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST– HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Trần Thị Lệ T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chắng Khánh Quỳnh L – chức vụ: Phó giám đốc PGD Ngân hàng chính sách xã hội huyện C. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị M Trần Thị Lệ T trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T1 chung sống với nhau năm 2023 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Ngày 05/4/2024, anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T1 bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi

con riêng của chị. Anh T1 không đồng ý lao động nuôi con riêng cùng chị, không thông cảm với hoàn cảnh kinh tế khó khăn của chị nên vợ chồng xảy ra xô xát nhau. Anh T1 bỏ nhà đi từ khoảng tháng 5/2024 đến nay không trở về. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn Mai Ngọc T2, sinh ngày 18/4/2024. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung. Tuy nhiên, khi anh T1 còn chung sống với chị, chị có ký vay vốn của Ngân hàng C số tiền là 60.000.000đ. Trong quá trình vay tiền, chị không vi phạm nghĩa vụ với ngân hàng, chị vẫn đóng lãi hàng tháng đầy đủ. Qua yêu cầu độc lập của ngân hàng C thì chị đồng ý trả cho ngân hàng C số tiền gốc là 60.000.000đ.

Ngoài ra, chị T không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, tuy nhiên hết thời hạn theo thông báo, anh Nguyễn Hữu T1 không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng C trình bày thì:

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn số 7114897335 của chị Mai Trần Thị Lệ T, địa chỉ: thôn T - xã T - huyện L, có vay Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 60.000.000đ/2 khoản vay. Trong đó:

+ Khoản vay 1- Vay vốn hộ Cận nghèo: Ngày vay 23/04/2022 số tiền nợ gốc 40.000.000đ, hạn trả này 23/04/2027;

+ Khoản vay 2 - Vay vốn Nước sạch và vệ sinh môi trường: Ngày vay 23/04/2024 số tiền 20.000.000đ, hạn trả ngày 23/04/2029.

Về tài sản đảm bảo tiền vay: Cho vay tín chấp, không phải thế chấp tài sản theo quy định của Chính Phủ (Cho vay ủy thác thông qua Hội Phụ nữ xã T- huyện L); căn cứ tình hình thực tế của chị M Trần Thị Lệ T và anh Nguyễn Hữu T1 hiện đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết về số nợ mà chị M Trần Thị Lệ T đã vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C trong vụ án xin ly hôn này, buộc chị M Trần Thị Lệ T phải hoàn trả toàn bộ số nợ vay trên cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C.

Tổng số nợ vay gốc và lãi tiền vay tính đến ngày 23/5/2025 là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Trong đó: tiền nợ gốc: 60.000.000đ; tiền nợ lãi: 0đ. Tổng cộng: 60.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt các bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị M Trần Thị Lệ T, xử cho chị M Trần Thị Lệ T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T1. Về con chung, đề nghị giao con chung là Nguyễn Mai Ngọc T2, sinh ngày 18/4/2024 cho chị M Trần Thị Lệ T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, đương sự xác định không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, buộc chị M Trần Thị Lệ T phải trả cho ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C số tiền gốc là 60.000.000đ.

Về án phí: buộc chị M Trần Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Nguyễn Hữu T1 cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T1 và chị M Trần Thị Lệ T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 05/4/2024 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo chị T thì chị và anh T1 phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dưỡng con riêng của chị T. Anh T1 không đồng ý nuôi con riêng của chị T nên vợ chồng xảy ra xô xát nhau. Như vậy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là do vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau. Mặt khác, khi phát sinh mâu thuẫn, anh T1 không có thiện trí hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ đi khỏi địa phương, bỏ mặc chị T một mình nuôi con nhỏ. Do đó, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Mai Ngọc T2, sinh ngày 18/4/2024. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực

tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, yêu cầu của chị T là phù hợp. Bởi lẽ, con chung dưới 36 tháng tuổi nên theo Luật hôn nhân và gia đình ưu tiên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; đồng thời từ khi anh T1 bỏ đi đến nay, con chung vẫn do chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao con chung tên là Nguyễn Mai Ngọc T2, sinh ngày 18/4/2024 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, tuy nhiên khi còn chung sống với anh T1 chị vay tín chấp của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C số tiền là 60.000.000đ. Qua yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, chị T đồng ý trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C số tiền gốc là 60.000.000đ. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, buộc chị T phải trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C số tiền gốc là 60.000.000đ; tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ là phù hợp.

[7] Về án phí: Chị T là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng2010;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M Trần Thị Lệ T, xử cho chị M Trần Thị Lệ T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T1.

2. Giao con chung tên là Nguyễn Mai Ngọc T2, sinh ngày 18/4/2024 cho chị M Trần Thị Lệ T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C. Buộc chị M Trần Thị Lệ T phải trả cho Ngân hàng C số tiền gốc là 60.000.000đ; tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

4. Về án phí: Chị M Trần Thị Lệ T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị M Trần Thị Lệ T.

Ngân hàng C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh